QUỐC HỘI KHÓA XV
TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI

Số: 2198 /TTKQH-GS
V/v kế hoạch giám sát của các cơ quan của Quốc hội tại địa phương năm 2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 4 năm 2023

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương,

Thực hiện quy định tại Quy chế hoạt động giám sát của Quốc hội[1], Tổng Thư ký Quốc hội trân trọng gửi đến quý Cơ quan bản *Tổng hợp kế hoạch giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Uỷ ban của Quốc hội tại địa phương năm 2023 (có văn bản gửi kèm theo).*

Trước khi tiến hành hoạt động giám sát, các đoàn công tác sẽ thông báo tới quý Ủy ban về lịch trình, thời gian, địa điểm, danh sách thành viên, yêu cầu chuẩn bị báo cáo các nội dung liên quan[2].

Ngoài kế hoạch giám sát nêu trên, đối với những hoạt động khảo sát, làm việc với địa phương, các cơ quan của Quốc hội sẽ chủ động sắp xếp và thông báo đến địa phương nhưng đảm bảo theo quy định về điều hòa, phối hợp tại Quy chế hoạt động giám sát[3].

Trong quá trình tổ chức, thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị quý Cơ quan thông báo bằng văn bản đến Tổng Thư ký Quốc hội (*qua Vụ Phục vụ hoạt động giám sát, Văn phòng Quốc hội, số 01 đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội; email: huydd@quochoi.vn; DĐ: 0943.566.788*) để tổng hợp báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ;
- HĐDT, các UB của QH;
- TANDTC, VKSNDTC, KTNN;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Lãnh đạo các Ban thuộc UBTVQH;
- Lãnh đạo VPQH;
- HĐND, ĐĐBQH TTPTTTW;
- VP ĐĐBQH, VP UBND TTPTTTW;
- Các Vụ phục vụ HĐDT, các UB, các Ban (để tham mưu, phục vụ);
- Lưu HC, GS.

Epas: 98002

TỔNG THƯ KÝ

Bùi Văn Cường

---

[1] Quy chế Tổ chức thực hiện một số hoạt động giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 334/2017/UBTVQH14 ngày 12/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Theo quy định tại Quy chế hoạt động giám sát của Quốc hội, các Đoàn công tác phải thông báo chương trình và thành phần Đoàn công tác chậm nhất là 10 ngày trước ngày Đoàn tiến hành giám sát.

[3] Theo khoản 2, Điều 43 của Quy chế hoạt động giám sát, trong cùng một tháng, các địa phương không có quá 2 đoàn công tác đến làm việc; TP Hà Nội, TP Đà Nẵng và TP HCM không quá 3 đoàn, trong 1 thời điểm chỉ có 1 Đoàn công tác.

PHỤ LỤC 1

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC ĐOÀN GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

CỦA QUỐC HỘI, UBTVQH, HỘI ĐỒNG DÂN TỘC, CÁC ỦY BAN CỦA QUỐC HỘI TẠI ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

TT	CƠ QUAN/NỘI DUNG GIÁM SÁT	ĐỊA PHƯƠNG	THÁNG
I	**QUỐC HỘI**		
1	*Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng*	TP.Hà Nội, TP.Hồ Chí Minh, TP.Đà Nẵng, Hưng Yên, Quảng Ninh, Thừa Thiên Huế, Yên Bái, Kon Tum, Phú Yên, Đồng Tháp, Tây Ninh, Bà Rịa-Vũng Tàu.	Tháng 02/2023
2	*Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030*	- Đoàn công tác số 1: Hà Giang, Lào Cai, Gia Lai, Tây Ninh, Trà Vinh. - Đoàn công tác số 2: Lạng Sơn, Cao Bằng, Nghệ An, Quảng Nam, Sóc Trăng. - Đoàn công tác số 3: Điện Biên, Hòa Bình, Thừa Thiên Huế, Đắk Lắk, Ninh Thuận.	Tháng 4 đến tháng 7/2023
II	**ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI**		
3	*Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông*	TP.Hà Nội, Hưng Yên, Lai Châu	Tháng 3/2023
		TP.Hồ Chí Minh, Đắk Nông, Bình Định, Bình Phước, Sóc Trăng	Tháng 4/2023
4	*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021*	- Đoàn công tác số 1: TP.Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu, Bạc Liêu, Cà Mau. - Đoàn công tác số 2: Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Thuận. - Đoàn công tác số 3: Quảng Ninh, Thái Bình, Sơn La, Gia Lai.	Tháng 4 đến tháng 7/2023

5	*Việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến kỳ họp thứ 4, thứ 5*	Không giám sát tại địa phương	
6	*Việc tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo*	Bình Định, Phú Yên	Tháng 4/2023
		Đồng Nai, Vĩnh Long	Tháng 7/2023
		Bắc Ninh, Ninh Bình	Tháng 8/2023
III	**ỦY BAN PHÁP LUẬT**		
7	*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về quản lý, vận hành và cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư*	TP. Hà Nội, TP. Hải Phòng, TP. Đà Nẵng, TP. Hồ Chí Minh, Bà Rịa-Vũng Tàu	Tháng 2/2023
III	**ỦY BAN TƯ PHÁP**		
8	*Việc chấp hành pháp luật về giảm thời hạn chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn*	Ninh Bình, Bình Dương, Hậu Giang, Gia Lai, Bình Định, Đồng Nai, Kiên Giang, Thanh Hóa, TP. Hà Nội	Tháng 4 và tháng 5/2023
V	**ỦY BAN QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH**		
9	*Kết quả thực hiện Nghị quyết số 99/2019/QH14 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về phòng cháy và chữa cháy giai đoạn 2020-2022*	Hải Phòng, Bắc Giang, Hải Dương, Nghệ An, Bình Định, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Bình Dương, Tiền Giang,	Cuối tháng 6 và tháng 7/2023
VI	**ỦY BAN VĂN HÓA, GIÁO DỤC**		
10	*Việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với trẻ em mồ côi (chú trọng trẻ em mồ côi do COVID-19)*	Long An, TP. Hồ Chí Minh, Đồng Tháp, Bắc Kạn, Quảng Ninh	Tháng 3/2023
11	*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về đào tạo trình độ tiến sĩ* **(làm việc tại các cơ sở giáo dục)**	Hà Nội, Thừa Thiên Huế, Đà Nẵng	Tháng 02/2023
		Thái Nguyên	Tháng 5/2023
		TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ	Tháng 7/2023

VII	**UỶ BAN XÃ HỘI**		
12	*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống ma túy và phòng, chống mại dâm*	TP. Hồ Chí Minh, An Giang, Quảng Bình, Quảng Trị, Khánh Hòa, Lâm Đồng, TP. Hải Phòng, Bắc Giang	Tháng 2 đến tháng 4/2023
VIII	**ỦY BAN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**		
13	*Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về chuyển đổi số*	Không giám sát tại địa phương	
14	*Tình hình thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển thị trường khoa học, công nghệ*	Không giám sát tại địa phương	
IX	**ỦY BAN ĐỐI NGOẠI**		
15	*Việc thực hiện các điều ước quốc tế về biên giới lãnh thổ giữa Việt Nam với Trung Quốc, Lào, Campuchia* ***(tổng hợp 3 chuyên đề)***	Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông, Bình Phước, Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang	Quý I đến Quý III/2023
		Điện Biên, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam và Kon Tum	Quý III/2023
16	*Việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với người Việt Nam ở nước ngoài*	Tây Ninh, Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang	Tháng 3/2023
		Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa	Quý II và III/2023
17	*Việc thực hiện chính sách, pháp luật về Hàm, cấp ngoại giao, việc thực hiện Luật cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài*	Không giám sát tại địa phương	Quý II đến Quý III/2023
18	*Việc triển khai thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của Việt Nam*	Không giám sát tại địa phương	Quý I/2024
X	**HỘI ĐỒNG DÂN TỘC; ỦY BAN KINH TẾ; ỦY BAN TÀI CHÍNH, NGÂN SÁCH:** không tổ chức giám sát chuyên đề trong năm 2023		

Nguồn: Vụ PVIIĐGS và các Vụ Phục vụ HĐ, UB, Ban

PHỤ LỤC 2

THỐNG KÊ

SỐ LƯỢT CÁC ĐOÀN GIÁM SÁT CỦA QUỐC HỘI, ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI VÀ CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2023

TT	Địa phương	THÁNG												
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Tổng
1	An Giang		UBXH	UBĐN (T2-6)										2
2	Bình Định				UBTVQH1 UBTVQH3	UBTP (T4-5) UBĐN (T4-T9)		UBQPAN						5
3	Bình Dương				UBTP (T4-5)			UBQPAN						2
4	Bình Phước			UBĐN (T2-6)	UBTVQH1									2
5	Bình Thuận				UBTVQH2 (T4-7)									1
6	Bà Rịa-Vũng Tàu		QH1 UBPL		UBTVQH2 (T4-7)									3
7	Bắc Giang		UBXH					UBQPAN						2
8	Bắc Kạn			UBVHGD										1
9	Bắc Ninh								UBTVQH3					1
10	Bạc Liêu				UBTVQH2 (T4-7)									1
11	Bến Tre													0
12	Cà Mau				UBTVQH2 (T4-7)									1
13	Cao Bằng				QH2 (T4-7)									1
14	Đắk Lắk			UBĐN (T2-6)	QH2 (T4-7)									2
15	Đắk Nông			UBĐN (T2-6)	UBTVQH1									2
16	Đồng Nai				UBTP (T4-5)			UBTVQH3						2
17	Đồng Tháp		QH1	UBĐN (T2-6) UBVHGD										3
18	Điện Biên				QH2 (T4-7)			UBĐN (T7-9)						2
19	Gia Lai			UBĐN (T2-6)	QH2 (T4-7) UBTVQH2 (T4-7)									3
20	Hà Giang				QH2 (T4-7)									1
21	Hà Tĩnh							UBĐN (T7-9)						1
22	Hà Nam													0
23	Hải Dương							UBQPAN						1
24	Hậu Giang				UBTP (T4-5)									1
25	Hưng Yên		QH1	UBTVQH1										2

TT	Địa phương	THÁNG												
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Tổng
26	Hoà Bình				QH2 (T4-7)									1
27	Khánh Hoà		UBXH		UBĐN (T4-T9)			UBQPAN						3
28	Kiên Giang			UBĐN (T2-6)	UBTP (T4-5)									2
29	Kon Tum		QH1	UBĐN (T2-6)				UBĐN (T7-9)						3
30	Lạng Sơn				QH2 (T4-7)									1
31	Lâm Đồng		UBXH					UBQPAN						2
32	Lai Châu			UBTVQH1										1
33	Lào Cai				QH2 (T4-7)									1
34	Long An			UBĐN (T2-6) UBVHGD										2
35	Nam Định													0
36	Nghệ An				QH2 (T4-7)			UBĐN (T7-9) UBQPAN						3
37	Ninh Bình				UBTP (T4-5)				UBTVQH3					2
38	Ninh Thuận				QH2 (T4-7)									1
39	Phú Thọ													0
40	Phú Yên		QH1		UBTVQH3	UBĐN (T4-T9)								3
41	Quảng Bình		UBXH					UBĐN (T7-9)						2
42	Quảng Nam				QH2 (T4-7) UBTVQH2 (T4-7)	UBTP (T4-5)		UBĐN (T7-9)						4
43	Quảng Ngãi				UBTVQH2 (T4-7)	UBĐN (T4-T9)								2
44	Quảng Ninh		QH1	UBVHGD	UBTVQH2 (T4-7)									3
45	Quảng Trị		UBXH					UBĐN (T7-9)						2
46	Sơn La				UBTVQH2 (T4-7)			UBĐN (T7-9)						2
47	Sóc Trăng				QH2 (T4-7) UBTVQH1									2
48	Tây Ninh		QH1	UBTP UBĐN (T2-6)	QH2 (T4-7)									4
49	Thái Bình				UBTVQH2 (T4-7)									1
50	Thái Nguyên													0
51	Thanh Hoá				UBTP (T4-5)			UBĐN (T7-9)						2
52	Thừa Thiên-Huế		QH1		QH2 (T4-7)			UBĐN (T7-9)						3
53	Tiền Giang							UBQPAN						1

TT	Địa phương	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Tổng
54	TP. Đà Nẵng		QH1 UBPL											2
55	TP. Cần Thơ													0
56	TP. Hà Nội		QH1 UBPL	UBTVQH1	UBTP (T4-5)									4
57	TP. Hải Phòng		UBPL UBXH					UBQPAN						3
58	TP. Hồ Chí Minh		QH1 UBPL UBXH	UBVHGD	UBTVQH1 UBTVQH2 (T4-7)									6
59	Trà Vinh				QH2 (T4-7)									1
60	Tuyên Quang													0
61	Vĩnh Long							UBTVQH3						1
62	Vĩnh Phúc													0
63	Yên Bái		QH1											1
	Tổng cộng:													113

GHI CHÚ:

1	**QH1**	Việc huy động, quản lý và sử dụng các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống dịch COVID-19; việc thực hiện chính sách, pháp luật về y tế cơ sở, y tế dự phòng			
2	**QH2**	Việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội về các Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030			
3	**UBTVQH1**	Việc thực hiện Nghị quyết số 88/2014/QH13 và Nghị quyết số 51/2017/QH14 của Quốc hội về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông			
4	**UBTVQH2**	Việc thực hiện chính sách, pháp luật về phát triển năng lượng giai đoạn 2016 - 2021			
5	**UBTVQH3**	Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo			
6	**HĐDT**	Hội đồng Dân tộc	11	**UBQPAN**	Ủy ban Quốc phòng và An ninh
7	**UBPL**	Ủy ban Pháp luật	12	**UBVHGD**	Ủy ban Văn hóa, Giáo dục
8	**UBTP**	Ủy ban Tư pháp	13	**UBXH**	Ủy ban Xã hội
9	**UBKT**	Ủy ban Kinh tế	14	**UBKHCN**	Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường
10	**UBTCNS**	Ủy ban Tài chính, Ngân sách	15	**UBĐN**	Ủy ban Đối ngoại